

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG TỈNH HẢI DƯƠNG Bản án số: 34/2018/HS-ST Ngày 03/7/2018	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	---

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường - Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Phạm Văn Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Toàn T, sinh ngày 02/12/2000.

Nơi sinh: xã T, huyện B, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 03/4/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam K, Công an tỉnh H đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Bà **Hoàng Thị V**, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh H.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông **Phạm Văn Đ** - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 02/4/2018, Nguyễn Toàn T đang ở nhà tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh H thì có bạn tên N (do T mới quen, không xác định được họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) đến rủ đi chơi điện tử. Sau đó N điều khiển xe mô tô của mình (không xác định được loại, BKS) chở Thắng đến thị trấn K1. Trên đường đi T hỏi N “*có biết chỗ nào bán đá không*” (ý là ma túy đá), N bảo “có” rồi cùng T đi đến thị trấn K1, huyện B. Tại đây T đưa cho N 500.000 đồng nhờ đi mua ma túy, N đồng ý, còn T đứng đợi ở khu vực ngã 5 mới. Khoảng 10 phút sau N quay lại đưa cho T 01 gói ma túy đá và bảo T về nhà trước để N đi đón bạn. T cất giấu gói ma túy vừa mua được vào túi quần phía trước bên phải rồi đi về nhà. Hồi 16 giờ 05 phút cùng ngày, khi T đang đi bộ trên đường Tỉnh lộ 392 thuộc Khu T1, xã T2, huyện B để đón xe taxi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ trong túi quần T 01 gói nilon, kích thước 2,0 x 2,0 cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, T khai đó là ma túy đá cất giấu để sử dụng cho bản thân.

Kết luận giám định số 241/KLGD-PC54 ngày 05/4/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh H kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng ghi thu của Nguyễn Toàn T gửi đến giám định có trọng lượng là 0,207gam, là loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ. Hoàn lại đối tượng giám định 0,140 gam Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Toàn T khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của những người chứng kiến, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 29/VKS-HS ngày 23/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Toàn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Toàn T khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Toàn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 91; Điều 101 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Toàn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt Nguyễn Toàn T từ 10-13 tháng tù giam, thời gian tính tính từ ngày tạm giữ 02/4/2018.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 0,140 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định, xét đây là vật chứng trong vụ án Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày quan điểm bảo vệ: Bị cáo T có nhân thân tốt, là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầu đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời trình bày của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

2. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Toàn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 16 giờ 05 phút ngày 02/4/2018, tại đường Tỉnh lộ 392 thuộc Khu T1, xã T2, huyện B, tỉnh H, Nguyễn Toàn T có hành vi cất giấu trái phép 0,207 gam Methamphetamine trong người, mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh H phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý, sử dụng của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được Methamphetamine là chất ma túy gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, nó không chỉ gây nguy hại cho chính cơ thể người sử dụng mà còn làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của thế hệ sau này, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Ma túy là nguyên nhân gây nhiều tác hại cho xã hội, cho từng gia đình, cho từng con người, làm băng hoại đạo đức lối sống, phá vỡ những mối quan hệ truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng, làm hư hỏng một bộ phận trong thế hệ trẻ, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thời gian gần đây trên địa bàn huyện B xảy ra một số loại tội phạm về ma túy như mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy...gây nhiều bức xúc trong nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Toàn T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo. Cần thiết phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung có hiệu quả thiết thực.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Bị cáo sinh ngày 02/12/2000, ngày 02/4/2018 thực hiện hành vi phạm tội khi mới 17 tuổi 04 tháng nên khi xét xử được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, theo Điều 91; Điều 101 BLHS.

- Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với 0,140 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định xét đây là vật chứng trong vụ án Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy, theo điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với người thanh niên tên N ở thị trấn K1 mua ma túy hộ bị cáo T, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

- Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Toàn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 91; Điều 101 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Toàn T 10 (Mười) tháng tù; Thời hạn tính từ ngày 02/4/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu cho tiêu hủy 0,140 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Về án phí: Áp dụng khoản khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo biết có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B2,
- VKSND tỉnh Hải Dương,
- Công an huyện B2,
- Chi cục THADS huyện B2,
- Trại tạm giam K-Công an tỉnh Hải Dương,
- Cơ quan T.H.A - Công an tỉnh Hải Dương,
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương,
- Bị cáo,
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo,
- Người bào chữa cho bị cáo.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường

